**Nội dung ôn tập phần I**

**ĐỘNG VẬT KHÔNG XƯƠNG SỐNG (Bài 30)**

**PHẦN I: HỆ THỐNG KIẾN THỨC ĐÃ HỌC**

*(Học sinh không cần vẽ vào tập )*

****

**PHẦN II: MỘT SỐ CÂU HỎI GỢI Ý**

(*Học sinh chủ động hoàn thành bài tập và sẽ sửa vào 27/12/2021 🡪 08/01/2021*)

* **CHỦ ĐỀ 1: ĐỘNG VẬT NGUYÊN SINH**
1. Trùng biến hình có kiểu dinh dưỡng là gì?

A. Tự dưỡng

B. Dị dưỡng

C. Kí sinh

D. Cộng sinh

1. Trùng giày khác với trùng biến hình và trùng roi ở đặc điểm nào?

A. Có chân giả

B. Có roi

C. Có lông bơi

D. Có diệp lục

1. Động vật nguyên sinh nào dưới đây gây bệnh cho người?

A. Trùng biến hình

B. Trùng roi

C. Trùng kiết lị

D. Trùng giày

1. Đặc điểm nào dưới đây mô tả hình thức di chuyển của trùng biến hình?

A. Di chuyển bằng chân giả

B. Di chuyển nhờ roi bơi

C. Di chuyển nhờ lông bơi

D. Cơ quan di chuyển tiêu giảm

1. Động vật nguyên sinh có số lượng loài là bao nhiêu?

A. 40 000 loài

B. 50 000 loài

C. 30 000 loài

D. 20 000 loài

1. Nội dung nào mô tả hình thức sinh sản của trùng biến hình?

A. Sinh sản vô tính theo kiểu phân đôi

B. Sinh sản vô tính theo kiểu mọc chồi

C. Sinh sản hữu tính theo kiểu phân đôi

D. Sinh sản hữu tính theo kiểu mọc chồi

1. Trùng giày di chuyển được là nhờ bộ phận nào?

A. Roi bơi

B. Lông bơi

C. Chân giả

D. Tiêu giảm

1. Trùng sốt rét có hình thức dinh dưỡng gì?

A. Hoại sinh

B. Tự dưỡng

C. Dị dưỡng

D. Kí sinh

1. Nội dung nào dưới đây thể hiện điểm giống nhau giữa trùng kiết lị với trùng sốt rét

A. Đều có roi bơi

B. Đều kí sinh trong cơ thể người

C. Đều có điểm mắt để cảm nhận ánh sáng

D. Đều sinh sản theo kiểu tiếp hợp

1. Động vật nguyên sinh nào có thể sinh sản tự dưỡng như thực vật?

A. Trùng biến hình

B. Trùng roi

C. Trùng kiết lị

D. Trùng giày

1. Thông tin nào dưới đây mô tả hình thức sinh sản của trùng roi?

A. Sinh sản hữu tính, kiểu phân đôi cơ thể theo chiều ngang

B. Sinh sản hữu tính, kiểu phân đôi cơ thể theo chiều dọc

C. Sinh sản vô tính, kiểu phân đôi cơ thể theo chiều ngang

D. Sinh sản vô tính, kiểu phân đôi cơ thể theo chiều dọc

1. Trùng sốt rét được truyền vào cơ thể người thông qua vết đốt của loài nào sau đây?

A. Muỗi Mansonia

B. Muỗi Anôphen (Anopheles)

C. Muỗi Culex

D. Muỗi Aedes

1. Nội dung nào dưới đây mô tả đặc điểm của động vật nguyên sinh?

A. Có kích thước hiển vi, chỉ là một tế bào nhưng đảm nhiệm mọi chức năng sống

B. Có kích thước hiển vi, đa bào nhưng đảm nhiệm mọi chức năng sống

C. Có kích thước hiển vi, chỉ là một hoặc hai tế bào nhưng đảm nhiệm mọi chức năng sống

D. Có kích thước hiển vi, đơn bào hoặc đa bào đơn giản nhưng đảm nhiệm mọi chức năng sống

1. Trùng roi thường sống ở đâu?

A. Trong các cơ thể động vật

B. Trong các cơ thể thực vật

C. Trong nước ao, hồ, đầm, ruộng và các vũng nước mưa

D. Trong nước biển

1. Phát biểu nào sau đây về động vật nguyên sinh là đúng?

A. Có khả năng sinh sản hữu tính

B. Hình dạng luôn biến đổi

C. Chỉ sống kí sinh trong cơ thể người

D. Cơ thể có cấu tạo đơn bào

1. Nhóm nào dưới đây gồm toàn những động vật nguyên sinh có chân giả?

A. Trùng biến hình, trùng sốt rét

B. Trùng kiết lị, trùng biến hình

C. Trùng kiết lị, trùng lỗ

D. Trùng giày, trùng roi

1. Nội dung nào thể hiện tác hại của động vật nguyên sinh đối với con người?

A. Là thức ăn cho động vật khác

B. Chỉ thị môi trường

C. Chỉ thị địa tầng, góp phần cấu tạo nên vỏ Trái Đất

D. Kí sinh gây bệnh

1. Động vật nguyên sinh nào có thể sinh sản tự dưỡng như thực vật?

A. Trùng biến hình

B. Trùng roi

C. Trùng kiết lị

D. Trùng giày

1. Nhóm động vật nguyên sinh nào sau đây sống tự do?

A. Trùng giày, trùng sốt rét, trùng kiết lị

B. Trùng roi, trùng kiết lị, trùng giày

C. Trùng giày, trùng biến hình, trùng roi

D. Trùng biến hình, trùng sốt rét, trùng kiết lị

1. Nội dung Trùng giày sinh sản theo những cách nào?

A. Mọc chồi và tiếp hợp

B. Phân đôi và mọc chồi

C. Phân đôi và tiếp hợp

D. Phân đôi và phân mảnh

1. Động vật nguyên sinh nào dưới đây không có cơ quan di chuyển?

A. Trùng biến hình

B. Trùng sốt rét

C. Trùng kiết lị

D. Trùng giày

* **CHỦ ĐỀ 2: RUỘT KHOANG**
1. Quá trình tiêu hóa ở thủy tức được thực hiện ở đâu?

A. Ruột túi

B. Lỗ miệng

C. Các xúc tua

D. Đế bám

1. Đặc điểm nào thể hiện đặc điểm của Hải quỳ và Thủy tức

A. Cơ thể hình trụ, đối xứng tỏa tròn

B. Cơ thể hình dù, đối xứng hai bên

C. Cơ thể hình trụ, đối xứng hai bên

D. Cơ thể hình dù, đối xứng tỏa tròn

1. Đại diện nào dưới đây thích nghi với kiểu sống bám?

A. Hải quỳ và thủy tức

B. Hải quỳ và san hô

C. San hô và sứa

D. Sứa và thủy tức

1. Nội dung nào dưới đây mô tả đặc điểm chung của động vật thuộc ngành Ruột khoang?

A. Cơ thể đơn bào bậc thấp, đối xứng toả tròn, có tế bào gai để tự vệ và tấn công, kiểu dinh dưỡng là tự dưỡng

B. Cơ thể đa bào bậc thấp, đối xứng hai bên, có tế bào gai để tự vệ và tấn công, kiểu dinh dưỡng là tự dưỡng

C. Cơ thể đa bào bậc thấp, đối xứng hai bên, có tế bào gai để tự vệ và tấn công, kiểu dinh dưỡng là dị dưỡng

D. Cơ thể đa bào bậc thấp, đối xứng toả tròn, có tế bào gai để tự vệ và tấn công, kiểu dinh dưỡng là dị dưỡng

1. Đảo ngầm san hô thường gây tổn hại gì cho con người?

A. Cản trở giao thông đường thuỷ

B. Gây tê liệt hệ thần kinh của người

C. Tranh thức ăn với các loại hải sản con người nuôi

D. Tiết chất độc làm hại cá và hải sản nuôi

1. Đại diện nào dưới đây được sử dụng để xác định độ tuổi của địa tầng?

A. Hải quỳ

B. Thủy tức

C. San hô

D. Sứa

1. Thủy tức có kiểu di chuyển nào sau đây.

A. Di chuyển kiểu sâu đo

B. Co bóp dù đẩy nước ra ngoài

C. Không có khả năng di chuyển

D. Vừa tiến vừa xoay

1. Đại diện nào được khai thác làm đồ trang trí, đồ trang sức?

A. Sứa

B. San hô

C. Hải quỳ

D. Thủy tức

1. Đặc điểm nào cho thấy đời sống của hải quỳ và san hô?

A. Hải quỳ và san hô đều có đời sống đơn độc

B. Hải quỳ và san hô đều sống thành các tập đoàn lớn

C. Hải quỳ sống thành tập đoàn còn san hô có đời sống đơn độc

D. Hải quỳ có đời sống đơn độc còn san hô sống thành tập đoàn

1. Loài nào có khung xương đá vôi cứng chắc?

A. Hải quỳ

B. San hô

C. Thủy tức

D. Sứa

1. Đặc điểm nào dưới đây thể hiện đặc điểm của San hô?

A. Cơ thể hình dù

B. Là động vật ăn thịt, có các tế bào gai

C. Luôn sống đơn độc

D. Sinh sản vô tính bằng cách tiếp hợp

1. Đặc điểm nào dưới đây thể hiện đặc điểm của Sứa?

A. Di chuyển bằng tua miệng

B. Cơ thể dẹp hình lá

C. Miệng ở phía dưới

D. Không có tế bào tự vệ

1. Những đại diện nào dưới đây thuộc ngành Ruột khoang sống ở biển?

A. Sứa, thủy tức, hải quỳ

B. Sứa, san hô, mực

C. Hải quỳ, thủy tức, tôm

D. Sứa, san hô, hải quỳ

1. Môi trường sống của thủy tức là gì?

A. Nước ngọt (ao, hồ, sông, suối)

B. Nước mặn (biển)

C. Nước lợ (ven bờ biển)

D. Trên cạn

1. Phát biểu nào sau đây vể thuỷ tức là đúng?

A. Sinh sản hữu tính bằng cách tiếp hợp

B. Sinh sản vô tính bằng cách tạo bào tử

C. Sử dụng các tế bào gai để đưa thức ăn vào miệng

D. Có khả năng tái sinh

1. Sứa sen được con người sử dụng vào mục đích nào dưới đây?

A. Làm vật trang trí

B. Làm thực phẩm

C. Làm thuốc

D. Làm nguồn cung cấp đá vôi

1. Ngành Ruột khoang có khoảng bao nhiêu loài?

A. 7 nghìn loài

B. 8 nghìn loài

C. 9 nghìn loài

D. 10 nghìn loài

1. Người ta khai thác san hô đen nhằm mục đích gì?

A. Vật trang trí, trang sức

B. Cung cấp vật liệu xây dựng

C. Nghiên cứu địa tầng

D. Thức ăn cho con người và động vật

1. Phương thức dinh dưỡng thường gặp ở ruột khoang là gì?

A. Quang tự dưỡng

B. Hoá tự dưỡng

C. Ký sinh

D. Dị dưỡng

1. Mô tả nào dưới đây cho thấy tác hại của ngành Ruột khoang?

A. Một số loài ruột khoang có giá trị thực phẩm

B. Các rạng san hô gây cản trở giao thông đường biển

C. Góp phần tạo sự cân bằng sinh thái, tạo cảnh quan độc đáo

D. Nhiều loại san hô nguyên liệu làm đồ trang sức, trang trí, nguyên liệu xây dựng

* **Chủ đề 3: Ngành giun dẹp**
1. Tất cả các đại diện thuộc ngành giun dẹp đều có đời sống ký sinh. Đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

1. Phát biểu nào sau đây về sán lá gan là đúng?

A. Thích nghi với lối sống bơi lội tự do

B. Cơ thể đối xứng tỏa tròn

C. Sán lá gan không có giác bám

D. Sán lá gan có cơ quan sinh dục lưỡng tính

1. Theo em, sán lá máu, sán dây, sán lông đều thuộc ngành giun dẹp có lối sống kí sinh là đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

1. Sán lá gan gây ra ảnh hưởng gì cho cơ thể trâu bò

A. Ăn khỏe hơn

B. Lớn nhanh hơn

C. Gầy rạc, chậm lớn

D. Không ảnh hưởng

1. Điền từ/cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện nghĩa câu sau:

Sán lá gan đẻ nhiều trứng, trứng gặp nước nở thành ấu trùng …(1)… và sau đó ấu trùng kí sinh trong …(2)…, sinh sản cho ra nhiều ấu trùng …(3)…, loại ấu trùng này rời khỏi ốc bám vào cây cỏ, bèo, cây thủy sinh và biến đổi trở thành …(4)…. Nếu trâu bò ăn phải cây cỏ có kén sán sẽ bị nhiễm bệnh sán lá gan.

A. (1) : có đuôi ; (2) : cá ; (3) : có lông bơi ; (4) : trứng sán

B. (1) : có đuôi ; (2) : ốc ; (3) : có lông bơi ; (4) : kén sán

C. (1) : có lông bơi ; (2) : ốc ; (3) : có đuôi ; (4) : kén sán

D. (1) : có lông bơi ; (2) : cá ; (3) : có đuôi ; (4) : trứng sán

1. Theo em, sán lá gan xâm nhập vào cơ thể trâu bò thông qua da là đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

1. Vật chủ trung gian của sán lá gan là loài nào?

A. Ốc ruộng

B. Trâu, bò

C. Lợn

D. Gà, vịt

1. Đặc điểm nào sau đây có ở vòng đời của sán lá gan?

A. Thay đổi nhiều vật chủ và qua nhiều giai đoạn ấu trùng

B. Trứng, ấu trùng và kén có hình dạng giống nhau

C. Sán trưởng thành sẽ kết bào xác vào mùa đông

D. Ấu trùng sán có tỉ lệ trở thành sán trưởng thành cao

1. Uống thuốc tẩy giun 2 lần/năm là đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

1. Mô tả nào dưới đây có ở sán lá gan?

A. Cơ thể tròn, hình ống

B. Mắt và lông bơi tiêu giảm

C. Cơ dọc, cơ vòng và cơ lưng bụng kém phát triển

D. Có cơ quan sinh dục đơn tính

1. Nơi kí sinh của sán lá gan trong cơ thể trâu bò là ở đâu?

A. Tim

B. Phổi

C. Ruột non

D. Gan

1. Để thích nghi với đời sống kí sinh,các giác bám, cơ quan tiêu hóa và cơ quan sinh dục của sán lá gan rất phát triển. Đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

1. Trong các nhóm sinh vật sau, nhóm nào đều gồm các sinh vật có đời sống kí sinh?

A. Sán lá gan, sán dây và sán lông

B. Sán dây và sán lá gan

C. Sán lông và sán lá gan

D. Sán dây và sán lông

1. Cũng giống như sán lá gan, sán lá máu có 2 vật chủ kí sinh là đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

1. Biện pháp nào dưới đây KHÔNG ĐƯỢC thực hiện để phòng chống giun dẹp kí sinh?

A. Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh

B. Diệt giun sán định kì

C. Diệt các vật chủ trung gian

D. Ăn uống thực phẩm tùy tiện, chế biến sơ sài

1. Đặc điểm nào dưới đây giúp cho sán lá gan thích nghi với đời sống kí sinh?

A. Các nội quan tiêu biến

B. Kích thước cơ thể to lớn

C. Có giác bám phát triển

D. Mắt lông bơi phát triển

1. Sán lá máu kí sinh ở đâu?

A. Máu người

B. Ruột non của người

C. Cơ bắp trâu bò

D. Gan trâu bò

* **Chủ đề 4: Ngành giun tròn**
1. Giun đũa, giun kim và giun rễ lúa đều kí sinh ở cơ thể người.

A. Đúng

B. Sai

1. Giun đũa xâm nhập vào cơ thể người qua con đường nào?

A. Đường hô hấp

B. Đường tiêu hóa

C. Qua da

D. Đường bài tiết

1. Tẩy giun 1-2 lần trong năm nhằm mục đích gì?

A. Giúp cơ thể được thanh lọc

B. Ức chế quá trình sinh sản của giun

C. Ngăn không cung cấp dinh dưỡng cho giun

D. Diệt giun và trứng giun

1. Theo em, giun đũa chỉ có thể xâm nhập vào cơ thể vật chủ thông qua đường tiêu hóa là đúng hay sai

A. Đúng

B. Sai

1. Phát biểu nào sau đây về giun đũa là đúng?

A. Có lỗ hậu môn

B. Tuyến sinh dục kém phát triển

C. Cơ thể dẹp hình lá

D. Sống tự do

1. Nội dung nào dưới đây thể hiện hình thức dinh dưỡng của Giun đũa?

A. Tự dưỡng

B. Hoại sinh

C. Dị dưỡng

D. Kí sinh

1. Giun rễ lúa kí sinh ở đâu?

A. Ruột già

B. Rễ lúa

C. Tá tràng

D. Ruột non

1. Cũng giống như các loài sán, giun kim cũng có nhiều vật chủ kí sinh.

A. Đúng

B. Sai

1. Giun nào dưới dây kí sinh ở thực vật?

A. Giun rễ lúa

B. Giun móc câu

C. Giun kim

D. Giun đũa

1. Trong các đặc điểm sau, đâu là điểm giống nhau giữa sán lá gan và giun đũa?

A. Vòng đời phát triển có nhiều vật chủ trung gian

B. Đều kí sinh ở gan, túi mật của trâu bò

C. Đều là các sinh vật kí sinh

D. Cơ thể đối xứng hai bên

1. Không giống như giun móc, giun đũa câu xâm nhập vào cơ thể trực tiếp qua da.

A. Đúng

B. Sai

1. Loài nào sau đây không thuộc ngành giun tròn

A. Giun đũa

B. Giun kim

C. Giun rễ lúa

D. Sán dây

1. Giun đũa di chuyển hạn chế chỉ chui rúc là do đặc điểm cấu tạo nào sau đây?

A. Cơ thể chỉ có lớp cơ lưng bụng phát triển

B. Cơ thể chỉ có lớp cơ vòng phát triển

C. Cơ thể chỉ có lớp cơ dọc phát triển

D. Cơ thể chỉ có lớp cơ bụng phát triển

1. Giun móc câu xâm nhập vào cơ thể người bằng cách nào?

A. Qua da

B. Qua đường tiêu hóa

C. Do muỗi anophen

D. Qua đường hô hấp

1. Giun kim kí sinh ở đâu?

A. Ruột non người

B. Ruột già người

C. Tá tràng người.

D. Hậu môn người

1. Thứ tự các cơ quan, giun đũa đi qua trong vòng đời là

A. Gan 🡪 tim 🡪 ruột non 🡪 phổi.

B. Ruột non 🡪 gan 🡪 tim 🡪 phổi 🡪 ruột non

C. Ruột non 🡪 phổi 🡪 tim 🡪 gan 🡪 ruột non

D. Gan 🡪 ruột non 🡪 phổi 🡪 tim 🡪 ruột non

1. Trong vòng đời, giun đũa có mấy lần trú ngụ ở ruột non của người?

A. 1 lần

B. 2 lần

C. 3 lần

D. 4 lần

1. Biện pháp nào được sử dụng để phòng chống giun kí sinh trong cơ thể người? (học sinh lựa chọn các đáp án đúng)

A. Uống thuốc tẩy giun định kì 2 lần/1 năm

B. Đi vệ sinh tùy tiện, không đúng nơi quy định

C. Sử dụng phân tươi bón ruộng

D. Rửa rau quả sạch trước khi ăn và chế biến

1. Ý nào sau đây đúng khi nói về cấu tạo trong của giun đũa?

A. Có khoang cơ thể chưa chính thức

B. Có ruột dạng túi

C. Không có hậu môn

D. Ruột phân nhánh

1. Điều phiền toái mà giun kim gây cho trẻ hằng đêm là gì?

A. Ngứa hậu môn vào ban đêm

B. Gây phù chân voi

C. Gây đau bụng, buồn nôn, tiêu chảy

D. Viêm loét cơ thể

1. Những đại diện nào gây bệnh cho con người

A. Giun đỏ, giun chỉ, giun kim

B. Giun chỉ, giun móc, giun kim

C. Giun đũa, giun rễ lúa, giun đỏ

D. Giun rễ lúa, giun đất, giun kim

1. Cơ thể giun đũa không bị tiêu hủy bởi enzim tiêu hóa là nhờ có đặc điểm nào?

A. Nhờ có lớp kitin

B. Nhờ có lớp cuticun

C. Nhờ có lớp đá vôi

D. Nhờ có lớp biểu bì

1. Giun đũa sống ở đâu?

A. Kí sinh ở cơ bắp trâu bò

B. Kí sinh ở ruột non người

C. Sống ở đất ẩm

D. Kí sinh trong rễ lúa

1. Giun kim khép kín được vòng đời do thói quen nào ở trẻ em?

A. Nô giỡn, va chạm tiếp xúc với nhau

B. Dùng tay gãi hậu môn sau đó chạm vào thức ăn hoặc đưa lên miệng

C. Đi chân đất

D. Xoắn và giật tóc

1. Giun đũa gây ảnh hưởng như thế nào với sức khoẻ con người?

A. Hút chất dinh dưỡng ở ruột già, giảm hiệu quả tiêu hoá, là cơ thể suy nhược

B. Số lượng lớn sẽ làm tắc ruột, tắc ống dẫn mật, gây nguy hiểm đến tính mạng con người

C. Sinh ra độc tố gây hại cho cơ thể người

D. Sinh ra các dưỡng chất hỗ trợ cho quá trình tiêu hóa ở cơ thể người

* **Chủ đề 5: Ngành giun đốt**
1. Giun đốt mang lại nhiều lợi ích cho con người, ngoại trừ:

A. Làm thức ăn cho người, cho các loài động vật

B. Làm cho đất trồng xốp, thoáng, màu mỡ

C. Có vai trò trong y học

D. Đánh giá độ tuổi của địa tầng

1. Do giun đất hô hấp qua da, nên chúng có thể lấy được khí oxi khi đang ở dưới nước.

A. Đúng

B. Sai

1. Giun đất có vai trò gì đối với con người

A. Làm trung gian truyền bệnh cho con người

B. Hỗ trợ con người trong việc làm tơi xốp đất canh tác

C. Làm cho đất đai bị chua phèn

D. Không có vai trò gì đối với con người

1. Cũng giống như giun đất, giun đỏ và rươi đều không phải là các sinh vật kí sinh.

A. Đúng

B. Sai

1. Loài nào thuộc ngành giun đốt được khai thác nuôi cá cảnh

A. Giun đỏ

B. Đỉa

C. Rươi

D. Giun đất

1. Nhờ vào hoạt động của giun đất, nên đất đai canh tác trở nên chua phèn.

A. Đúng

B. Sai

1. Trong những đại diện dưới đây, đại diện nào thuộc ngành Giun đốt

A. Rươi, đỉa, giun đất

B. Giun móc, đỉa, rươi

C. Đỉa, rươi, giun kim

D. Giun rễ lúa, giun đất, rươi

1. Đỉa đóng vai trò quan trọng với nền y học thế giới là đúng hay sai

A. Đúng

B. Sai

1. Giun đất di chuyển như thế nào?

A. Di chuyển theo kiểu lộn đầu hoặc sâu đo

B. Di chuyển theo kiểu cong cơ thể lại và duỗi ra do cơ dọc phát triển

C. Di chuyển nhờ sự chun giãn cơ thể kết hợp với các vòng tơ

D. Di chuyển nhờ các vòng tơ và cơ dọc phát triển

1. Phần đầu của giun đất có bộ phận nào trong các bộ phận dưới đây (học sinh lựa chọn nhiều đáp án đúng)

A. Miệng

B. Hậu môn

C. Mắt

D. Đai sinh dục

1. Loài nào sau đây không thuộc ngành giun đốt?

A. Giun đỏ

B. Giun kim

C. Giun đất

D. Đỉa

1. Giun đất hô hấp bằng bộ phận nào?

A. Da

B. Miệng

C. Phổi

D. Túi khí

1. Vì sao mưa nhiều, giun đất lại chui lên mặt đất?

A. Để lấy không khí

B. Để tìm kiếm thức ăn

C. Để tìm bạn đời giao phối

D. Không có ý nghĩa gì

1. Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc điểm của giun đất?

A. Cơ thể phân nhiều đốt

B. Mỗi đốt có vòng tơ

C. Phần đuôi có hậu môn

D. Hệ tiêu hóa dạng túi

* **Chủ đề 6: Thân mềm**
1. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện nghĩa câu sau.

“Vỏ trai sông gồm …(1)… gắn với nhau nhờ …(2)… ở …(3)….”

A. (1): hai mảnh; (2): áo trai; (3): phía bụng

B. (1): hai mảnh; (2): cơ khép vỏ; (3): phía lưng

C. (1): hai mảnh; (2): bản lề; (3): phía lưng

D. (1): ba mảnh; (2): bản lề; (3): phía bụng

1. Đặc điểm chung của ngành thân mềm là gì?

A. Thân mềm, không phân đốt, có vỏ đá vôi, có khoang áo, hệ tiêu hoá phân hoá và có cơ quan di chuyển

B. Thân mềm, phân đốt, có vỏ đá vôi, có khoang áo, hệ tiêu hoá phân hoá và có cơ quan di chuyển

C. Thân mềm, không phân đốt, có vỏ đá vôi, không có khoang áo, hệ tiêu hoá phân hoá và có cơ quan di chuyển

D. Thân mềm, phân đốt, có vỏ đá vôi, không có khoang áo, hệ tiêu hoá phân hoá và có cơ quan di chuyển

1. Động vật thân mềm nào có giác bám?

A. Ốc sên

B. Sò huyết

C. Mực

D. Trai sông

1. Bằng biện pháp nhân tạo con người có thể thu lấy ngọc từ đâu?

A. Trai

B. Bạch tuộc

C. Sò

D. Ốc sên

1. Vỏ của một số thân mềm có ý nghĩa thực tiễn như thế nào?

A. Có giá trị về xuất khẩu

B. Làm sạch môi trường nước

C. Làm thực phẩm

D. Dùng làm đồ trang trí

1. Phát biểu nào sau đây khi nói về ý nghĩa thực tiễn của ngành Thân mềm là sai?

A. Là vật chủ trung gian truyền bệnh

B. Làm sạch môi trường nước

C. Có lợi cho cây trồng

D. Làm thức ăn cho các động vật khác

1. Thân mềm có thể gây hại như thế nào đến đời sống con người?

A. Không gây hại gì

B. Làm hại cây trồng

C. Gây bệnh cho con người

D. Phá hủy các công trình xây dựng

1. Khi gặp kẻ thù, mực thường có hành động như thế nào?

A. Vùi mình sâu vào trong cát

B. Phun mực, nhuộm đen môi trường nhằm che mắt kẻ thù để chạy trốn

C. Tiết chất độc tiêu diệt kẻ thù

D. Thu nhỏ và khép chặt vỏ

1. Trai sông có mấy lá mang?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

1. Vì sao khi ta mài mặt ngoài vỏ trai lại ngửi thấy mùi khét?

A. Vì lớp vỏ ngoài chứa nhiều chất khoáng

B. Vì lớp ngoài vỏ trai được cấu tạo bằng tinh bột

C. Vì phía ngoài vỏ trai là lớp sừng

D. Vì lớp ngoài vỏ trai được cấu tạo bằng chất xơ

1. Động vật không có vỏ cứng đá vôi bao ngoài cơ thể là loài nào dưới đây?

A. Sò

B. Ốc sên

C. Bạch tuộc

D. Trai sông

1. Đâu không phải là lớp cấu tạo vỏ trai sông?

A. Lớp sừng

B. Lớp xà cừ

C. Lớp đá vôi

D. Lớp vỏ mềm

1. Trung tâm cơ thể trai sông gồm những bộ phận nào?

A. Thân và chân trai

B. Vỏ và mang

C. Áo trai và mang

D. Thân và áo trai

1. Cơ thể trai sông gồm mấy phần?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

1. Loài động vật thân mềm nào có tập tính đào hang đẻ trứng?

A. Thỏ

B. Mực

C. Bạch tuộc

D. Ốc sên

1. Loài thân mềm nào sống ở biển?

A. Sứa

B. Mực

C. Ốc hương

D. Ốc sên

1. Vật chủ trung gian (tạm thời kí sinh) của trai sông là

A. Ốc

B. Cá

C. Bò

D. Heo

1. Trai sông trao đổi khí qua bộ phận nào?

A. Phổi

B. Mang

C. Thành cơ thể

D. Túi khí

1. Vỏ trai đóng mở nhờ đâu?

A. Bản lề và vỏ trai

B. Dây chằng và cơ khép vỏ

C. Vỏ trai và cơ khép vỏ

D. Dây chằng và bản lề

1. Các đại diện nào sau đây không thuộc ngành thân mềm?

A. Mực

B. Bạch tuộc

C. Sứa

D. Ốc vặn

* **Chủ đề 7: Lớp Giáp xác**
1. Loài giáp xác nào bám vào vỏ tàu thuyền làm giảm tốc độ di chuyển?

A. Mọt ẩm

B. Tôm sông

C. Con sun

D. Chân kiếm

1. Lớp Giáp xác có khoảng bao nhiêu loài?

A. 10 nghìn

B. 20 nghìn

C. 30 nghìn

D. 40 nghìn

1. Phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Hầu hết các giáp xác đều có hại cho con người

B. Các giáp xác nhỏ trong ao, hồ, sông, biển là nguồn thức ăn quan trọng của nhiều loài cá

C. Giáp xác chỉ sống được trong môi trường nước

D. Chân kiếm sống tự do là thủ phạm gây chết cá hàng loạt

1. Loài giáp xác nào là thức ăn chủ yếu cho cá?

A. Mọt ẩm

B. Tôm ở nhờ

C. Cua nhện

D. Rận nước

1. Phát biểu nào sau đây về tôm sông là sai?

A. Là động vật lưỡng tính

B. Phần đầu và phần ngực gắn liền nhau

C. Phát triển qua giai đoạn ấu trùng

D. Vỏ được cấu tạo bằng kitin, có ngấm thêm canxi

1. Giáp xác gây hại gì đến đời sống của các động vật khác?

A. Truyền bệnh giun sán

B. Kí sinh ở da và mang cá, gây chết cá hàng loạt

C. Gây hại cho tàu thuyền và các công trình dưới nước

D. Không gây hại gì

1. Động vật nào dưới đây KHÔNG sống ở dưới nước?

A. Rận nước

B. Cua nhện

C. Mọt ẩm

D. Tôm hùm

1. Đặc điểm nào KHÔNG PHẢI của loài mọt ẩm

A. Có thể bò

B. Sống ở biển

C. Sống trên cạn

D. Thở bằng mang

1. Loài chân kiếm kí sinh ở vật chủ?

A. Người

B. Trâu, bò

C. Cá

D. Tôm ở nhờ

1. Vỏ tôm được cấu tạo bằng gì?

A. Kitin

B. Xenlulôzơ

C. Keratin

D. Collagen

1. Loài nào được coi là giáp xác lớn nhất

A. Rận nước

B. Cua nhện

C. Con sun

D. Tôm ở nhờ

1. Loài giáp xác nào thích nghi lối sống hang hốc

A. Tôm ở nhờ

B. Cua đồng đực

C. Rện nước

D. Chân kiếm

1. Tập tính ôm trứng của tôm mẹ có ý nghĩa như thế nào?

A. Giúp trứng tận dụng ôxi từ cơ thể mẹ

B. Bảo vệ trứng khỏi kẻ thù

C. Giúp phát tán trứng đi nhiều nơi

D. Giúp trứng nhanh nở

1. Giáp xác có vai trò như thế nào trong đời sống con người?

A. Làm nguồn nhiên liệu thay thế cho các khí đốt

B. Được dùng làm mỹ phẩm cho con người

C. Là chỉ thị cho việc nghiên cứu địa tầng

D. Là nguồn thực phẩm quan trọng của con người

1. Ở cua, giáp đầu – ngực chính là

A. Mai

B. Tấm mang

C. Càng

D. Mắt

1. Môi trường sống và khả năng di chuyển của con sun lần lượt là gì?

A. Sống ở nước ngọt, cố định

B. Sống ở biển, di chuyển tích cực

C. Sống ở biển, cố định

D. Sống ở nước ngọt, di chuyển tích cực

1. Loài giáp xác nào mang lại thực phẩm cho con người

A. Chân kiếm

B. Mọt ẩm

C. Tôm hùm

D. Con sun

1. Cơ quan hô hấp của tôm sông là

A. Phổi

B. Da

C. Mang

D. Da và phổi

1. Cơ thể tôm có mấy phần

A. Có 2 phần: phần đầu – ngực và phần bụng

B. Có 3 phần: phần đầu, phần ngực và phần bụng

C. Có 2 phần là thân và các chi

D. Có 3 phần là phần đầu, phần bụng và các chi

1. Tại sao trong quá trình lớn lên, ấu trùng tôm phải lột xác nhiều lần?

A. Vì lớp vỏ mất dần canxi, không còn khả năng bảo vệ

B. Vì chất kitin được tôm tiết ra phía ngoài liên tục

C. Vì lớp vỏ cứng rắn cản trở sự lớn lên của tôm

D. Vì sắc tố vỏ ở tôm bị phai, nếu không lột xác thì tôm sẽ mất khả năng nguỵ trang

* **Chủ đề 8: Nhện và lớp Hình nhện**
1. Trong lớp Hình nhện, đại diện nào được khai thác làm thực phẩm và vật trang trí ?

A. Ve bò

B. Nhện nhà

C. Cái ghẻ

D. Bò cạp

1. Nhện nhà có bao nhiêu đôi chân bò?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

1. Quá trình chăng lưới ở nhện bao gồm các giai đoạn sau:



Hãy sắp xếp các giai đoạn trên theo thứ tự hợp lý

A. (3) → (2) → (4) → (1)

B. (1) → (4) → (2) → (3)

C. (2) → (3) → (4) → (1)

D. (3) → (1) → (2) → (4)

1. Bọ cạp có độc ở đâu?

A. Kìm

B. Trên vỏ cơ thể

C. Trong miệng

D. Cuối đuôi

1. Thức ăn của loài ve bò là gì?

A. Cỏ

B. Động vật nhỏ hơn

C. Máu động vật

D. Hút nhựa cây

1. Cái ghẻ ký sinh ở đâu?

A. Dưới biển

B. Trên cạn

C. Trên da người

D. Máu người

1. Loài động vật nào KHÔNG thuộc lớp Hình nhện

A. Nhện

B. Bọ cạp

C. Tôm ở nhờ

D. Cái ghẻ

1. Nhện có bao nhiêu phần

A. Có 2 phần: phần đầu - ngực và phần bụng

B. Có 2 phần: phần đầu và phần bụng

C. Có 2 phần là phần thân và các chi

D. Có 2 phần là phần đầu, phần bụng - các chi

1. Lớp Hình nhện có bao nhiêu loài

A. 13 nghìn loài

B. 16 nghìn loài

C. 33 nghìn loài

D. 36 nghìn loài

* **Chủ đề 9: Lớp Sâu bọ**
1. Loài sâu bọ nào có tập tính kêu vào mùa hè

A. Ve sầu

B. Dế mèn

C. Bọ ngựa

D. Chuồn chuồn

1. Đặc điểm nào KHÔNG phải là đặc điểm chung nổi bật của sâu bọ

A. hấp bằng hệ thống ống khí

B. Cơ thể sâu bọ có ba phần: đầu, ngực, bụng

C. Vỏ cơ thể bằng cuticun vừa là bộ xương ngoài vừa là chiếc áo ngụy trang của chúng

D. Phần đầu có 1 đôi râu, phần ngực có 3 đôi chân và 2 đôi cánh

1. Bọ ngựa có lối sống và tập tính như thế nào?

A. Ăn gỗ, tập tính đục ruỗng gỗ

B. Kí sinh, hút máu người và động vật

C. Ăn thịt, dùng đôi càng trước để bắt mồi

D. Ăn thực vật, tập tính ngụy trang

1. Loài sâu bọ nào có hại cho đời sống con người

A. Bọ ngựa

B. Chuồn chuồn

C. Ve sầu

D. Châu chấu

1. Lớp Sâu bọ có khoảng bao nhiêu loài

A. 36000 loài

B. 20000 loài

C. 700000 loài

D. 1000000 loài

1. Phát biểu nào dưới đây về đặc điểm chung của lớp Sâu bọ là đúng?

A. Có hệ tuần hoàn hở, tim hình lá, có nhiều ngăn nằm ở mặt lưng

B. Không có hệ thần kinh

C. Vỏ cơ thể bằng pectin, vừa là bộ xương ngoài, vừa là áo ngụy trang của chúng

D. Phần đầu có 1 đôi râu, phần ngực có 3 đôi chân và 2 đôi cánh

1. Châu chấu non có hình thái bên ngoài như thế nào?

A. Giống châu chấu trưởng thành, chưa đủ cánh

B. Giống châu chấu trưởng thành, đủ cánh

C. Khác châu chấu trưởng thành, chưa đủ cánh

D. Khác châu chấu trưởng thành, đủ cánh

1. Nhóm nào dưới đây gồm toàn những sâu bọ sống ở môi trường nước?

A. Ấu trùng ve sầu, bọ gậy, bọ rầy

B. Bọ vẽ, ấu trùng chuồn chuồn, bọ gậy

C. Bọ gậy, ấu trùng ve sầu, dế trũi

D. Ấu trùng chuồn chuồn, bọ gậy, bọ ngựa

1. Các phần cơ thể của sâu bọ là gì?

A. Đầu và ngực

B. Đầu, ngực, bụng

C. Đầu ngực và bụng

D. Đầu và bụng

1. Sâu bọ nào phá hoại đồ gỗ

A. Bọ cạp

B. Châu chấu

C. Mọt gỗ

D. Bọ ngựa

1. Ấu trùng chuồn chuồn sống ở đâu?

A. Trong đất

B. Kí sinh trong cơ thể động vật

C. Trên cây

D. Dưới nước

1. Động vật nào dưới đây không có lối sống kí sinh?

A. Chấy

B. Bọ chét

C. Rận

D. Bọ ngựa

1. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện nghĩa của câu sau:

“Trong hoạt động hô hấp, châu chấu hít và thải khí thông qua …(1)… ở …(2)….”

A. (1): lỗ miệng; (2): mặt lưng

B. (1): lỗ miệng; (2): mặt bụng

C. (1): lỗ thở; (2): mặt lưng

D. (1): lỗ thở; (2): mặt bụng

1. Thức ăn của châu chấu là

A. Thực vật

B. Động vật

C. Máu người

D. Mùn hữu cơ

1. Sâu bọ hô hấp bằng gì?

A. Da

B. Phổi

C. Hệ thống ống khí

D. Da và phổi

1. Loài sâu bọ có vai trò giúp cho quá trình thụ phấn ở cây trồng nhiều nhất là

A. Ruồi

B. Muỗi

C. Bọ ngựa

D. Ong mật

1. Để trưởng thành, châu chấu non phải

A. Đứt đuôi

B. Lột xác

C. Kết kén

D. Hút máu

1. Thức ăn của ấu trùng bướm là gì?

A. Lá cây

B. Máu người

C. Rễ cây

D. Động vật nhỏ hơn

1. Châu chấu là đại diện thuộc lớp

A. Giáp xác

B. Hình nhện

C. Sâu bọ

D. Thân mềm

1. Phát biểu nào dưới đây về đặc điểm chung của lớp Sâu bọ là sai?

A. Hô hấp bằng mang

B. Phần đầu có 1 đôi râu, phần ngực có 3 đôi chân và 2 đôi cánh

C. Cơ thể chia làm ba phần rõ rệt: đầu, ngực và bụng

D. Có nhiều hình thức phát triển biến thái khác nhau

* **Chương: Ngành Chân khớp**
1. Nhóm các đại diện nào dưới đây gây hại cho thực vật

A. Ong mật và châu chấu

B. Đom đóm và bọ ngựa

C. Châu chấu và bướm

D. Bọ ngựa và chuồn chuồn

1. Động vật nào dưới đây ở giai đoạn trưởng thành sống trên cạn và bay lượn tự do, nhưng trong giai đoạn ấu trùng lại sống ở dưới nước?

A. Bướm

B. Chuồn chuồn

C. Ong

D. Châu chấu

1. Tôm ở nhờ có tập tính

A. Sống thành xã hội

B. Cộng sinh để tồn tại

C. Dệt lưới bắt mồi

D. Dự trữ thức ăn

1. Nhờ đâu mà Chân khớp đa dạng về cấu tạo cơ thể và tập tính

A. Có nhiều loài

B. Sự thích nghi với điều kiện sống và môi trường khác nhau

C. Thần kinh phát triển cao

D. Có số lượng cá thể lớn

1. Để phát triển thành cá thể trưởng thành, ấu trùng cần phải làm gì?

A. Dự trữ thức ăn

B. Ngủ đông

C. Lột xác

D. Thay đổi môi trường sống

1. Động vật nào dưới đây ở giai đoạn trưởng thành giúp thụ phấn cho hoa, nhưng trong giai đoạn sâu non lại gây hại cây trồng?

A. Bướm

B. Ong mật

C. Nhện đỏ

D. Bọ cạp

1. Trong số những chân khớp dưới đây:

1. Tôm hùm

2. Cua nhện

3. Tôm sú

4. Ve sầu

Có bao nhiêu loài có giá trị thực phẩm?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

1. Nhóm nào dưới đây gồm toàn những chân khớp có tập tính dự trữ thức ăn?

A. Tôm sông, nhện, ve sầu

B. Kiến, nhện, tôm ở nhờ

C. Kiến, ong mật, nhện

D. Ong mật, tôm sông, tôm ở nhờ

1. Chân khớp nào có hại với con người

A. Tôm

B. Tép

C. Mọt gỗ

D. Ong mật

1. Tập tính nào dưới đây không có ở kiến?

A. Chăn nuôi động vật khác

B. Chăm sóc thế hệ sau

C. Đực cái nhận biết nhau bằng tín hiệu

D. Dự trữ thức ăn

1. Đại diện nào dưới đây góp phần dọn sạch sẽ môi trường?

A. Bọ gậy

B. Bọ rùa

C. Bọ ngựa

D. Bọ hung

1. Dấu hiệu quan trọng nhất để phân biệt ngành Chân khớp với các ngành động vật khác là gì?

A. Các phần phụ phân đốt và khớp động với nhau

B. Cơ thể phân đốt

C. Phát triển qua lột xác

D. Lớp vỏ ngoài bằng kitin

1. Trong ngành Chân khớp, lớp nào có giá trị lớn về mặt thực phẩm cho con người

A. Lớp Hình nhện

B. Lớp Sâu bọ

C. Lớp Ba thùy

D. Lớp Giáp xác

1. Đặc điểm nào chỉ có ở lớp Giáp xác và lớp Hình nhện?

A. Trải qua nhiều lần lột xác để phát triển

B. Có sự phân hóa về giới tính

C. Cơ thể được chia làm 2 phần

D. Đem lại nhiều lợi ích cho con người

1. Trong các đại diện sau, loài nào có lợi?

A. Ong mật

B. Nhện quá phụ đen

C. Ve bò

D. Châu chấu

1. Đại điện nào dưới đây KHÔNG CÓ đời sống xã hội

A. Kiến

B. Ong mật

C. Mọt ẩm

D. Mối

1. Nhờ đâu mà Chân khớp đa dạng về tập tính

A. Thần kinh phát triển cao

B. Có số lượng cá thể lớn

C. Có số loài lớn

D. Sự thích nghi với điều kiện sống và môi trường khác nhau

1. Đặc điểm nào KHÔNG phải là đặc điểm chung của ngành Chân khớp?

A. Sử dụng mang để trao đổi không khí

B. Các chân phân đốt khớp động

C. Qua lột xác để tăng trưởng cơ thể

D. Có bộ xương ngoài bằng kitin nâng đỡ, che chở

1. Lớp phủ ngoài của ngành chân khớp là gì?

A. Kitin

B. Cuticun

C. Phospholipid

D. Peptidoglycan

1. Đại diện nào dưới đây KHÔNG CÓ khả năng bay lượn

A. Nhện

B. Châu chấu

C. Bọ ngựa

D. Đom đóm